Chính sách tài khóa xanh và vai trò trong thúc đẩy tăng trưởng bền vững tại Việt Nam

Đàm Thị Hiền
Học viện Chính sách và Phát triển
Email liên hệ: hiendt@apd.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu và cam kết phát triển bền vững, tại Việt Nam, chính sách tài khóa xanh ngày càng được quan tâm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam trong giai đoạn 2020-2024 dao động ở mức 6-7% mỗi năm, nhưng đồng thời phát thải khí nhà kính tiếp tục gia tăng đáng kể. Các chính sách thuế môi trường và trợ cấp năng lượng sạch hiện tại của Việt Nam mới ở mức khởi đầu: thuế bảo vệ môi trường vẫn thấp so với tiềm năng, chưa có thuế carbon, trong khi các cơ chế chi tiêu xanh còn hạn chế. Mặc dù đã có một số sáng kiến như phát hành trái phiếu xanh và phát triển tín dụng xanh, hệ thống pháp lý và khuôn khổ chính sách vẫn thiếu tính đồng bộ và toàn diện. Bài viết đề xuất tăng cường các công cụ tài khóa xanh và gắn kết tài khóa xanh vào quy trình lập ngân sách thúc đẩy tăng trưởng bền vững tại Việt Nam.

Từ khóa: Chính sách tài khóa xanh, tăng trưởng bền vững, Việt Nam.

Green Fiscal Policy and Its Role in Promoting Sustainable Growth in Vietnam

Abstract: Amid the context of global climate change and commitments to sustainable development, green fiscal policy has attracted increasing attention in Vietnam. Research findings indicate that Vietnam's average GDP growth rate during 2020–2024 fluctuated around 6–7% annually, yet greenhouse gas emissions have continued to rise significantly. Vietnam's current environmental tax policies and clean energy subsidies remain in their early stage: the environmental protection tax is still low compared to its potential; there is no carbon tax yet, and green spending mechanisms are limited. Although some initiatives, such as green bond issuance and the development of green credit, have been introduced, the legal system and policy framework still lack synchronization and comprehensiveness. This paper proposes strengthening green fiscal tools and integrating green fiscal policy into the budgetary process to promote sustainable growth in Vietnam.

Keywords: Green fiscal policy, sustainable growth, Vietnam.
Ngày nhận bài: 27/9/2025; **Ngày phản biện**: 12/11/2025; **Ngày duyệt đăng**: 09/12/2025

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu và yêu cầu thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, nhiều quốc gia đang phải điều chỉnh mô hình tăng trưởng theo hướng giảm phát thải và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Đối với Việt Nam, quá trình tăng trưởng kinh tế nhanh trong những thập kỷ qua đã góp phần cải thiện đời sống xã hội, song cũng đi kèm với sự gia tăng mạnh mẽ phát thải khí nhà kính, đặc biệt từ lĩnh vực năng lượng và công nghiệp. Hình 1 dưới đây cho thấy ngành điện (điện lực) là nguồn phát thải chính của Việt Nam trong giai đoạn 2011-2023: tổng phát thải CO_2 của Việt Nam năm 2023 ước tính khoảng 373 triệu tấn (OECD, 2025), cao hơn Thái Lan, Malaysia, Philippines và có xu hướng tiếp tục tăng do nhu cầu điện. Cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tái cấu trúc các công cụ chính sách nhằm hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.

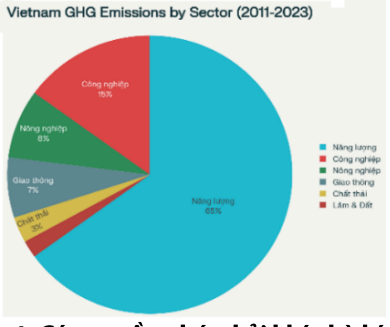

Hình 1. Các nguồn phát thải khí nhà kính của Việt Nam theo ngành (2011–2023)
Nguồn: Tổng hợp của tác giả theo Catalano, M. (2021); UNDP (2025); OECD (2025)

Trong số các công cụ kinh tế vĩ mô, chính sách tài khóa xanh ngày càng được xem là một trong những trụ cột quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng bền vững thông qua việc điều chỉnh cơ cấu thu – chi ngân sách theo hướng thân thiện với môi trường. Trên thế giới, nhiều quốc gia phát triển như EU, Mỹ, Nhật đã ứng dụng thuế carbon, hệ thống giao dịch khí thải (ETS) và trái phiếu xanh để tài trợ cho mục tiêu khí hậu. Ở khu vực ASEAN, một số nước như Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan cũng đang xây dựng cơ chế thuế carbon và thị trường cacbon. Singapore đã áp thuế carbon 25 SGD/tCO_2 và lộ trình lên 50–80 SGD/tCO_2 đến 2030 (OECD, 2025; Watson Farley và Williams, 2025). Tại Việt Nam, mặc dù các chính sách tài khóa xanh với các nhóm công cụ thuế môi trường, chi tiêu công xanh và ưu đãi tín dụng xanh đã được triển khai, nhưng thực tế các công cụ này vẫn còn ở giai đoạn khởi đầu, thiếu tính đồng bộ và chưa tạo được động lực đủ mạnh để thay đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bền vững. Điển hình như mức thuế bảo vệ môi trường còn thấp, chưa có thuế carbon, các chính sách ưu đãi chưa thật sự tập trung đúng mục tiêu, và chưa có khung ngân sách xanh toàn diện, đồng bộ (Nguyễn Thế Khang, 2025).

Tổng quan nghiên cứu cho thấy, còn thiếu những phân tích hệ thống về vai trò và hiệu quả thực thi của chính sách tài khóa xanh tại Việt Nam trong việc thúc đẩy tăng trưởng bền vững, cũng như sự gắn kết giữa các công cụ tài khóa xanh với các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường. Đặc biệt, những hạn chế, thách thức trong thiết kế và thực thi chính sách tài khóa xanh chưa được làm rõ một cách đầy đủ, dẫn đến việc đề xuất giải pháp còn phân tán và thiếu cơ sở thực tiễn vững chắc.

Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết này nhằm phân tích cơ sở lý luận và thực trạng triển khai chính sách tài khóa xanh ở Việt Nam, đánh giá tác động của các công cụ tài khóa xanh đối với tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bền vững môi trường, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách tài khóa xanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tới.

2. Cơ sở lý luận và khung phân tích về chính sách tài khóa xanh

Chính sách tài khóa xanh (green fiscal policy) được hiểu là việc nhà nước sử dụng có chủ đích các công cụ thu và chi ngân sách nhằm điều chỉnh hành vi kinh tế theo hướng giảm phát thải, bảo vệ môi trường và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Trên phương diện lý luận kinh tế, chính sách tài khóa xanh xuất phát từ nguyên tắc nội hóa các ngoại ứng môi trường, theo đó chi phí xã hội của ô nhiễm và suy thoái môi trường cần được phản ánh đầy đủ vào giá cả hàng hóa và dịch vụ thông qua các công cụ kinh tế thích hợp (Pigou, 1920; Stiglitz, 1986). Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu, chính sách tài khóa xanh ngày càng được xem là một trụ cột quan trọng trong chiến lược tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của nhiều quốc gia (OECD, 2019; IMF, 2024).

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy chính sách tài khóa xanh thường bao gồm ba nhóm công cụ chủ yếu. Thứ nhất, các công cụ thu ngân sách xanh, như thuế bảo vệ môi trường, thuế năng lượng và thuế carbon, được thiết kế nhằm phản ánh chi phí môi trường trong giá cả thị trường, qua đó tạo động lực khuyến khích tiết kiệm tài nguyên, đổi mới công nghệ và giảm phát thải khí nhà kính (OECD, 2021; World Bank, 2020). Thứ hai, các công cụ chi ngân sách xanh, bao gồm đầu tư công cho hạ tầng năng lượng tái tạo, giao thông bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo tồn hệ sinh thái, đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng dòng vốn và tạo nền tảng cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng xanh (UNDP, 2023). Thứ ba, các công cụ tài chính xanh hỗ trợ, như trợ cấp có mục tiêu, ưu đãi tín dụng, trái phiếu xanh và bảo lãnh của nhà nước, nhằm huy động và dẫn dắt nguồn lực xã hội cho các dự án thân thiện với môi trường, đồng thời giảm rủi ro cho khu vực tư nhân trong giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi (OECD, 2022; ERIA, 2025).

Trên cơ sở tổng hợp các tiếp cận lý luận nêu trên, bài viết lựa chọn khung phân tích chính sách tài khóa xanh gắn với tăng trưởng bền vững, trong đó chính sách tài khóa xanh tác động đến phát triển bền vững thông qua ba kênh chính. Thứ nhất, kênh tăng trưởng kinh tế, thể hiện ở việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư công, khuyến khích hình thành và phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế xanh, qua đó tạo động lực tăng trưởng mới và nâng cao chất lượng tăng trưởng (OECD, 2019). Thứ hai, kênh công bằng xã hội, phản ánh cách thức phân bổ gánh nặng của các loại thuế môi trường và vai trò của các cơ chế hỗ trợ, bù đắp nhằm bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương trong quá trình chuyển đổi xanh, bảo đảm tính chấp nhận xã hội của chính sách (IMF, 2024). Thứ ba, kênh bền vững môi trường, thể hiện qua việc giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, qua đó góp phần đạt được các mục tiêu môi trường dài hạn (World Bank, 2020).

Khung phân tích này cho phép đánh giá chính sách tài khóa xanh không chỉ ở góc độ các công cụ ngân sách đơn lẻ mà trong mối liên hệ tổng thể giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường. Đồng thời, đây cũng là cơ sở lý luận quan trọng để bài viết phân tích thực trạng, đánh giá tác động và đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách tài khóa xanh nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững tại Việt Nam trong bối cảnh mới.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích định tính, kết hợp dữ liệu thứ cấp và nghiên cứu lý luận. Các số liệu kinh tế - xã hội (tốc độ tăng trưởng GDP, thành phần cơ cấu kinh tế, lạm phát, thu ngân sách từ thuế môi trường, mức đầu tư công cho hạ tầng xanh, phát thải khí nhà kính) cập nhật đến nửa đầu 2025 được thu thập từ Tổng cục Thống kê Việt Nam, báo cáo kinh tế vĩ mô của các tổ chức quốc tế (OECD, IMF, World Bank) và các ấn phẩm chuyên đề. Các chính sách tài khóa xanh (định mức thuế, quy định pháp lý, chương trình trợ cấp xanh) được phân tích dựa trên văn bản pháp luật, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Chính phủ và các báo cáo đánh giá chính sách (OECD 2025, báo chí trong nước). Đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế và khu vực (tài liệu chính sách của ASEAN, Bắc Á), bài viết tiến hành đánh giá tác động qua lý thuyết và so sánh định lượng đơn giản. Cuối cùng, dựa trên kết quả và mục tiêu phát triển bền vững, bài viết đề xuất khuyến nghị chính sách cụ thể.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng và hiệu quả chính sách tài khóa xanh ở Việt Nam

Các công cụ tài khóa xanh chính tại Việt Nam bao gồm thuế bảo vệ môi trường (EPT) đối với xăng dầu, than đá, túi nylon; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, dầu khí; trợ cấp (ưu đãi tín dụng, giảm thuế) cho dự án năng lượng tái tạo; và một số quỹ bảo vệ môi trường. Quy định hiện nay: thuế xăng dầu dao động 3.000–4.000 đồng/lít, túi nylon 50.000 đồng/kg. Năm 2018, tăng thuế xăng lên 4.000 đồng/lít (Nguyễn Thế Khang, 2025) nhằm bổ sung 15.700 tỷ đồng cho ngân sách. Tuy nhiên, từ năm 2023, do áp lực giá năng lượng toàn cầu và lạm phát, Việt Nam lại giảm một nửa thuế BVMT xăng, dầu, làm suy giảm thu ngân sách từ 0,54% xuống 0,41% GDP (Nguyễn Thế Khang, 2025). Việc này chỉ mang lại lợi ích ngắn hạn cho người tiêu dùng nhưng làm chậm quá trình điều chỉnh giá năng lượng phù hợp với chi phí môi trường. Báo cáo của IMF (2024) cho thấy hiện mức thuế năng lượng ở Việt Nam thấp hơn nhiều so với mức cần thiết để phản ánh ngoại sinh (giá xăng thực tế khoảng 0,80 USD/lít so với "giá tối ưu" 2,06 USD/lít), tức mức thuế hiện nay mới phản ánh một phần nhỏ tác động môi trường.

Chính sách trợ cấp năng lượng sạch qua cơ chế giá FIT (Feed-In-Tariff) đã thúc đẩy tăng trưởng điện mặt trời, điện gió. Tuy nhiên, sự phát triển quá nóng của cơ chế này dẫn đến căng thẳng tài chính với EVN và nguy cơ đảo ngược chính sách. Báo cáo IEEFA (2025) chỉ ra rằng Việt Nam đã tăng quy mô công suất điện mặt trời từ gần 0 lên 21.000 MW trong giai đoạn 2018-2023 nhờ FIT hấp dẫn. Dòng vốn tư nhân đổ vào điện mặt trời chiếm 58% tổng đầu tư, đưa Việt Nam thành nước sản xuất điện mặt trời lớn nhất Đông Nam Á vào năm 2023. Song những cam kết mua giá FIT "được tính toán quá cao" khiến EVN thâm hụt khoảng 1 tỷ USD trong năm 2023. Gần đây chính phủ Việt Nam phải yêu cầu điều chỉnh ngược (giảm) mức giá FIT của 173 dự án năng lượng tái tạo khoảng 25-46%. Hành động này giúp giảm sức ép tài chính lên EVN nhưng lại làm giảm độ tin cậy chính sách, có nguy cơ làm chậm đầu tư tương lai. Trường hợp này cho thấy rằng trợ cấp công (thuế, giá ưu đãi) cho năng lượng sạch nếu thiếu bền vững sẽ mất tác dụng khuyến khích về lâu dài.

Bên cạnh thuế và chi ngân sách, Việt Nam đã bước đầu triển khai các công cụ tài chính xanh như phát hành trái phiếu xanh và phát triển tín dụng xanh. Một số doanh nghiệp nhà nước và tổ chức tài chính đã phát hành trái phiếu xanh để huy động vốn cho các dự án năng lượng tái tạo và hạ tầng bền vững. Hệ thống ngân hàng cũng bắt đầu mở rộng tín dụng xanh, ưu tiên cho các dự án tiết kiệm năng lượng, nông nghiệp xanh và sản xuất sạch hơn. Mặc dù vậy, quy mô và phạm vi của các công cụ tài chính xanh vẫn còn hạn chế so với nhu cầu chuyển đổi xanh của nền kinh tế. Khung pháp lý cho trái phiếu xanh và tiêu chí phân loại dự án xanh chưa hoàn thiện, trong khi năng lực đánh giá rủi ro môi trường-xã hội của các tổ chức tín dụng còn chưa đồng đều. Điều này làm giảm hiệu quả huy động và phân bổ nguồn lực tài chính cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Tổng hợp các phân tích cho thấy chính sách tài khóa xanh ở Việt Nam đã tạo ra những tín hiệu ban đầu trong việc định hướng hành vi kinh tế và hỗ trợ phát triển các lĩnh vực xanh. Tuy

nhiên, hiệu quả tổng thể vẫn còn hạn chế do mức độ can thiệp còn thấp, thiếu tính ổn định và chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các công cụ thu – chi ngân sách và tài chính xanh. Những hạn chế này đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện chính sách tài khóa xanh theo hướng đồng bộ, bền vững và phù hợp hơn với mục tiêu tăng trưởng bền vững của Việt Nam.

4.2. Tác động đến tăng trưởng kinh tế

Trong giai đoạn 2020–2024, nền kinh tế Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng GDP tương đối cao, phản ánh vai trò tích cực của các chính sách tài khóa linh hoạt trong việc hỗ trợ phục hồi và ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, đóng góp trực tiếp của chính sách tài khóa xanh vào tăng trưởng kinh tế vẫn còn hạn chế. Phần lớn động lực tăng trưởng vẫn đến từ các ngành truyền thống và xuất khẩu, trong khi các ngành kinh tế xanh chưa thực sự trở thành động lực tăng trưởng chủ đạo.

Việc áp dụng các công cụ tài khóa xanh như thuế môi trường và trợ cấp năng lượng sạch có thể tạo ra tác động hai chiều. Trong ngắn hạn, việc tăng thuế năng lượng có thể làm chi phí sản xuất và tiêu dùng tăng lên, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng. Tuy nhiên, về dài hạn, chi tiêu công cho hạ tầng xanh và công nghệ sạch có khả năng thúc đẩy hình thành các ngành kinh tế mới, nâng cao năng suất và tạo dư địa tăng trưởng bền vững hơn. Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy tiềm năng này chưa được khai thác đầy đủ do quy mô và mức độ can thiệp của chính sách tài khóa xanh còn khiêm tốn.

4.3. Tác động đến công bằng xã hội

Chính sách tài khóa xanh không chỉ ảnh hưởng đến tăng trưởng mà còn tác động đáng kể đến phân phối thu nhập và công bằng xã hội. Thuế năng lượng và thuế môi trường có xu hướng tác động mạnh hơn đến các nhóm thu nhập thấp, do tỷ trọng chi tiêu cho năng lượng trong tổng chi tiêu của các nhóm này thường cao hơn. Tại Việt Nam, việc điều chỉnh thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu trong các năm gần đây cho thấy sự cân nhắc giữa mục tiêu môi trường và ổn định đời sống người dân.

Tuy nhiên, các cơ chế bù đắp và hỗ trợ xã hội đi kèm với chính sách tài khóa xanh hiện chưa được thiết kế một cách hệ thống. Việc thiếu các biện pháp hỗ trợ chuyển đổi phù hợp có thể làm gia tăng bất bình đẳng và làm giảm sự ủng hộ xã hội đối với các chính sách xanh. Do đó, tác động của chính sách tài khóa xanh đến công bằng xã hội ở Việt Nam hiện còn hạn chế và chưa phát huy đầy đủ vai trò hỗ trợ chuyển đổi công bằng.

4.4. Tác động đến bền vững môi trường

Mục tiêu cốt lõi của chính sách tài khóa xanh là giảm phát thải và cải thiện chất lượng môi trường. Trong thực tiễn, mặc dù tỷ trọng năng lượng tái tạo trong cơ cấu cung điện của Việt Nam đã gia tăng nhanh chóng, tổng lượng phát thải khí nhà kính vẫn tiếp tục tăng do nhu cầu năng lượng và sản xuất gia tăng mạnh. Điều này cho thấy các công cụ tài khóa xanh hiện nay chưa đủ mạnh để tạo ra sự thay đổi rõ rệt về xu hướng phát thải. Nguyên nhân chủ yếu nằm ở mức thuế môi trường còn thấp, thiếu công cụ định giá carbon và quy mô chi tiêu xanh chưa tương xứng với nhu cầu chuyển đổi. Bên cạnh đó, sự phụ thuộc lớn vào nhiệt điện than khiến hiệu quả môi trường của chính sách tài khóa xanh bị hạn chế. Do vậy, tác động của chính sách tài khóa xanh đến bền vững môi trường tại Việt Nam mới chỉ ở mức bước đầu và cần được tăng cường thông qua các cải cách chính sách sâu rộng hơn.

Kết quả phân tích thực trạng và tác động cho thấy, chính sách tài khóa xanh ở Việt Nam mặc dù đã có những bước khởi đầu quan trọng, song vẫn đang đối mặt với nhiều vấn đề và thách thức lớn, làm hạn chế hiệu quả thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Thứ nhất, mức độ can thiệp của các công cụ tài khóa xanh còn thấp và thiếu tính ràng buộc. Thuế bảo vệ môi trường hiện nay chưa phản ánh đầy đủ chi phí ngoại ứng của ô nhiễm, trong khi Việt Nam vẫn chưa áp dụng thuế carbon. Điều này khiến các tín hiệu giá chưa đủ mạnh để điều chỉnh hành vi sản xuất và tiêu dùng theo hướng xanh.

Thứ hai, tính ổn định và bền vững tài khóa của các chính sách hỗ trợ xanh còn hạn chế. Các cơ chế trợ cấp năng lượng tái tạo, đặc biệt là cơ chế giá FIT, đã thúc đẩy đầu tư nhanh chóng nhưng lại thiếu gắn kết với khả năng cân đối ngân sách và năng lực tài chính của các đơn vị thực thi. Việc điều chỉnh chính sách trong thời gian ngắn làm gia tăng rủi ro cho nhà đầu tư và ảnh hưởng đến niềm tin thị trường.

Thứ ba, sự phối hợp giữa các công cụ tài khóa xanh chưa đồng bộ. Các chính sách thu, chi ngân sách và tài chính xanh còn vận hành rời rạc, thiếu một khung ngân sách xanh thống nhất để định hướng phân bổ nguồn lực. Điều này làm giảm hiệu quả tổng thể của chính sách tài khóa xanh và hạn chế khả năng huy động nguồn lực xã hội cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Thứ tư, những thách thức về công bằng xã hội trong quá trình chuyển đổi xanh chưa được xử lý đầy đủ. Việc điều chỉnh thuế năng lượng có thể tạo gánh nặng lớn hơn cho các nhóm thu nhập thấp, trong khi các cơ chế hỗ trợ chuyển đổi và bù đắp xã hội còn thiếu tính hệ thống. Nếu không được giải quyết thỏa đáng, vấn đề này có thể làm suy giảm sự đồng thuận xã hội đối với các chính sách tài khóa xanh.

Thứ năm, năng lực thể chế và giám sát thực thi chính sách tài khóa xanh còn hạn chế. Hệ thống theo dõi, đánh giá và công khai thông tin về thu – chi ngân sách xanh chưa hoàn thiện, làm giảm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Đồng thời, năng lực đánh giá tác động môi trường – xã hội của các cơ quan quản lý và tổ chức tài chính còn chưa đồng đều.

Những vấn đề và thách thức nêu trên cho thấy, việc hoàn thiện chính sách tài khóa xanh ở Việt Nam không chỉ đòi hỏi mở rộng quy mô can thiệp mà còn cần cải thiện chất lượng thiết kế chính sách, tăng cường phối hợp thể chế và bảo đảm tính công bằng trong quá trình chuyển đổi. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng và hoàn thiện hệ thống giải pháp chính sách nhằm nâng cao vai trò của tài khóa xanh trong thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

5. Kết luận và kiến nghị

Quá trình xây dựng tăng trưởng kinh tế bền vững ở Việt Nam đòi hỏi một chiến lược tài khóa xanh đồng bộ. Qua phân tích thực nghiệm với số liệu kinh tế - xã hội mới nhất và các nghiên cứu chính sách, có thể kết luận rằng chính sách tài khóa xanh hiện mới dừng ở giai đoạn khởi động và chưa phát huy hết tiềm năng. Mặc dù Việt Nam đã áp dụng luật Thuế bảo vệ môi trường từ 2012, tăng mức thuế lên trần 4.000 đ/lít xăng từ 2018, nhưng giảm mạnh thuế năm 2023, 2024 đã làm mất đi cơ hội tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải. Trong khi đó, thuế carbon chưa tồn tại trong khung pháp lý, trong khi nhu cầu giảm phát thải đang ngày càng cấp thiết. Đồng thời, các công cụ kích thích năng lượng sạch như trợ cấp FIT, tín dụng xanh đã thúc đẩy sự phát triển nhanh của ngành năng lượng tái tạo, nhưng phải đảm bảo ổn định chính sách (tránh thay đổi đột ngột như sự kiện điều chỉnh FIT 2025) để duy trì niềm tin của nhà đầu tư.

Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các chính sách sau nhằm tăng cường hiệu quả của tài khóa xanh:

Hoàn thiện khung thuế môi trường và thiết kế lại thuế năng lượng theo hướng bền vững. Kết quả phân tích cho thấy mức thuế năng lượng hiện nay ở Việt Nam còn thấp, mới phản ánh một phần nhỏ chi phí ngoại sinh của ô nhiễm, khiến công cụ thuế chưa phát huy vai trò điều tiết hành vi. Vì vậy, cần xây dựng lộ trình tăng thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu, than và túi nylon theo hướng tiệm cận quốc tế, đồng thời tránh sốc giá cho nền kinh tế bằng cơ chế tăng dần và có truyền thông minh bạch. Bên cạnh đó, nên thiết kế lại thuế năng lượng theo hai tầng: (1) Thuế môi trường cơ bản; (2) Phụ thu carbon theo cường độ phát thải. Cách tiếp cận này giúp phân biệt nhóm tiêu dùng thiết yếu với hoạt động phát thải cao, giảm tác động bất lợi lên người nghèo và doanh nghiệp nhỏ. Việt Nam cũng cần sớm hoàn thiện đạo luật thuế carbon độc lập, tương thích với các cơ chế thương mại quốc tế như CBAM (EU) nhằm giảm rủi ro xuất khẩu trung hạn.

Cải cách trợ cấp năng lượng tái tạo và tăng tính ổn định chính sách. Cơ chế FIT đã thúc đẩy bùng nổ điện mặt trời và điện gió nhưng thiếu bền vững dẫn đến rủi ro tài chính và đảo ngược chính sách. Để khắc phục, Việt Nam cần: (1) Chuyển từ FIT sang cơ chế đấu thầu cạnh tranh và hợp đồng mua bán điện (PPA) linh hoạt, đảm bảo giá phản ánh đúng chi phí thực và giảm áp lực lên EVN; (2) Xây dựng Quỹ chuyển dịch năng lượng công bằng (JET Fund) nhằm hỗ trợ các dự án tái tạo quy mô lớn, khuyến khích ngân hàng tham gia cho vay dài hạn vào năng lượng sạch; (3) Ban hành khung pháp lý bảo đảm tính ổn định tối thiểu 10–15 năm, tránh điều chỉnh ngược đột ngột gây mất niềm tin thị trường. Đồng thời, cần thiết lập bộ tiêu chí đánh giá rủi ro tài khóa của các cơ chế ưu đãi để tránh lặp lại tình trạng "phát triển quá nóng".

Tăng cường hài hòa giữa mục tiêu xanh và mục tiêu công bằng xã hội. Kết quả phân tích chỉ ra rằng, thuế năng lượng tác động mạnh hơn lên nhóm nghèo, công nhân và cư dân nông thôn. Do đó, khi điều chỉnh thuế môi trường, Chính phủ cần đi kèm các biện pháp hỗ trợ trực tiếp

như: (1) Trợ cấp giao thông công cộng: hỗ trợ vé xe buýt, vé tàu điện cho người thu nhập thấp; (2) Gói hỗ trợ chuyển đổi năng lượng cho hộ gia đình: ưu đãi mua xe điện hai bánh, hỗ trợ thay thế thiết bị tiết kiệm điện; (3) Chính sách chuyển tiền trực tiếp cho nhóm bị ảnh hưởng, tương tự mô hình hỗ trợ trong đợt tăng giá điện 2010–2011. Đối với doanh nghiệp nhỏ và hộ sản xuất nông nghiệp, nên áp dụng cơ chế hoãn thuế – giãn thuế tạm thời khi có biến động giá năng lượng, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động sinh kế.

Tăng đầu tư công và huy động tài chính xanh cho hạ tầng năng lượng sạch. Tỷ trọng đầu tư công cho môi trường – khí hậu vẫn thấp so với nhu cầu phát triển. Vì vậy, cần: (1) Ưu tiên ngân sách cho các dự án hạ tầng xanh trọng điểm: lưới điện truyền tải thông minh, hệ thống lưu trữ năng lượng, giao thông công cộng; (2) Hoàn thiện khung chuẩn trái phiếu xanh quốc gia, cho phép chính quyền địa phương và doanh nghiệp phát hành theo tiêu chuẩn thống nhất, minh bạch; (3) Mở rộng tín dụng xanh thông qua hệ thống ngân hàng thương mại bằng việc bắt buộc tích hợp tiêu chí ESG và tăng ưu đãi cho vay dự án xanh. Đồng thời, Việt Nam cần đẩy nhanh triển khai cơ chế thị trường carbon nội địa, tạo nguồn thu mới để tái đầu tư cho mục tiêu giảm phát thải.

Củng cố thể chế quản lý và giám sát tài khóa xanh. Kết quả cho thấy các quỹ môi trường, chương trình tín dụng xanh còn thiếu minh bạch và phân tán. Do đó, Chính phủ cần: (1) Thiết lập hệ thống giám sát – báo cáo thống nhất cho tất cả các nguồn tài khóa xanh; (2) Công khai thông tin thu – chi môi trường để bảo đảm trách nhiệm giải trình; (3) Đơn giản hóa điều kiện tiếp cận vốn xanh nhằm khuyến khích doanh nghiệp tham gia. Một đầu mối điều phối quốc gia về tài chính xanh trực thuộc Bộ Tài chính hoặc Văn phòng Chính phủ sẽ giúp giảm trùng lặp và tăng tính hiệu quả của chính sách.

Những đề xuất trên nhằm hướng tới mô hình tăng trưởng bền vững: sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính để vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vừa cải thiện chất lượng môi trường và đảm bảo công bằng xã hội. Sự thành công sẽ phụ thuộc vào cam kết chính trị và năng lực quản lý của Việt Nam. Với các chính sách tài khóa xanh được thiết kế hợp lý, Việt Nam có thể duy trì được "đà tăng trưởng kinh tế – tiến trình phát triển môi trường", tiến gần mục tiêu giàu mạnh và xanh, sạch bền vững.

Tài liệu tham khảo

Catalano, M. (2021). *Green Fiscal Policy and the Energy Transition*. Oxford University Press.

ERIA (2025). *Mobilizing Green Finance for Energy Transition in ASEAN*. Economic Research Institute for ASEAN and East Asia. Truy xuất từ https://www.eria.org, ngày 20/12/2025.

IMF (2024). *Climate Change and Public Finance: A Global Perspective*. International Monetary Fund. Washington, DC.

Nguyễn Thế Khang (2025). Chính sách tài khóa xanh và những thách thức đối với ngân sách quốc gia. *Tạp chí Tài chính*, kỳ 1 tháng 5/2025, tr. 15-20.

OECD (2019). *Green Budgeting Framework Highlights*. Organisation for Economic Co-operation and Development. Paris.

OECD (2021). *Environmental Taxes and the Green Transition*. OECD Publishing. Paris.

OECD (2022). *Green Finance and Investment: Mobilising Investment for Climate Resilience*. OECD Publishing. Paris.

OECD (2025). *Carbon Pricing in Times of Crisis: Report for ASEAN Countries*. OECD Publishing. Paris.

Pigou, A. C. (1920). *The Economics of Welfare*. Macmillan and Co. London.

Stiglitz, J. E. (1986). *Economics of the Public Sector*. W. W. Norton & Company. New York.

UNDP (2023). *Green Public Investment for a Sustainable Future*. United Nations Development Programme. New York.

UNDP (2025). *Vietnam Climate Change Report: Towards Net Zero 2050*. United Nations Development Programme. Hà Nội.

Watson, Farley & Williams (2025). *Climate Compliance and Carbon Opportunity: Asia's Q2 Legal Outlook*. Watson Farley & Williams LLP. Truy xuất từ: https://www.wfw.com/articles/climate-compliance-and-carbon-opportunity-asias-q2-legal-outlook/, ngày 15/12/2025.

World Bank (2020). *State and Trends of Carbon Pricing 2020*. World Bank. Washington, DC.

Xiong, et al. (2023). Green fiscal policy: A systematic literature review and bibliometric analysis. *International Journal of Environmental Studies*, 80(4), pp. 112-128.